

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **39/2018/HNST**

Ngày: 06-07- 2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2018/TLST- HNGĐ ngày 07/02/2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/06/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T – Sinh năm 1949.

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L – Sinh năm 1945.

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L trước đây có tự nguyện tìm hiểu và sau đó chung sống cùng nhau vào năm 1974 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T (hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm cuối năm 2013 thì bắt đầu

nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông L thường xuyên đánh đập bà T và đuổi ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Do các con đã thành niên, không ai sống phụ thuộc cha mẹ nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 thửa đất diện tích 15272m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con trai là Nguyễn Ngọc Thành (Thanh) tọa lạc tại ấp Thuận An, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất này; 500 cây cao su. Tại buổi hòa giải ngày 30/3/2018 bà T tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản đã kê khai, đồng thời tại phiên tòa bà T cũng không yêu nên tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ nần ai, không cho ai vay nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/3/2018, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị T trước đây có tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 1974, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T (hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Bà T hay rươi chè, bê tha không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không quan tâm tới nhau, bà T thu vườn chi tiêu riêng một mình. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông L đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979. Do các con đã thành niên, không ai sống phụ thuộc cha mẹ nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trước đây vợ chồng có 50.000m² đất tại ấp Thuận An, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Năm 1998 các con trưởng thành nên đã làm giấy tờ cho đất 3 người con đứng tên quyền sử dụng đất nên hiện tại vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu ly được ly hôn với ông L; Các con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Trong vụ án này, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L, ông L hiện cư trú tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Về nội dung vụ án:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết bà Lê Thị T, ông Nguyễn Ngọc Luyện xác định việc hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh T (giấy chứng nhận kết hôn đã mất). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, hiện nay ông bà không còn chung sống cùng nhau nữa. Đó là lý do và nguyên nhân mà bà Lê Thị T làm đơn yêu cầu ly hôn với ông L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Căn cứ theo công văn trả lời số 125/UBND – TP ngày 20/4/2018 của UBND xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa có nội dung: “*Sổ lưu năm 1974 hiện không còn lưu trữ tại UBND xã Hợp Tiến do vậy không thể trích lục được giấy đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị T*”. Tuy nhiên; Theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, Điều 3 Chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số

35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 thì trường hợp của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L được coi là hôn nhân thực tế, khi bà Tú yêu cầu giải quyết ly hôn với ông L Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2017, chính quyền địa phương có xác nhận vợ chồng bà Tú, ông Luyện có phát sinh mâu thuẫn, và hiện tại đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án ông L cũng trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

[2] *Về con chung*: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979, do các con đã thành niên, không ai sống phụ thuộc cha mẹ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T có yêu cầu tòa án chia tài sản nhưng bà T rút yêu cầu chia tài sản nên cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà T. Ông L xác định hiện tại vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Không có nên không xem xét

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quán tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Lê Thị T.

[3] Về án phí:

Bà Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho bà T 2.600.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004544 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THA huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hồ Văn Thanh